

895.922 803

ĐC

NG 558 CH

Đại Tá TRẦN CÔNG AN

NGƯỜI CHIẾN SĨ ĐẶC CÔNG



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
2002

NGƯỜI CHIẾN SĨ ĐẶC CÔNG

895.922 823
NG 558.51

ĐẠI TÁ TRẦN CÔNG AN
(tức HAI CÀ, TRẦN VĂN KÌA)
ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VĨ TRẠNG NHÂN DÂN



NGƯỜI CHIẾN SĨ
ĐẶC CÔNG

(HỒI KÍ)

NGUYỄN YÊN TRI ghi

THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
XBP ĐỊA PHƯƠNG

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

2002

2018/ĐC/VV 00001375

Từ Tân Uyên xuôi xuống Biên Hòa, giữa lòng sông Đồng Nai nổi lên một số cù lao. Lớn nhất là cù lao Mĩ Quới, xưa có sáu làng: Điều Hòa, Tân Trạch, An Chử, Bình Chử, Bình Hưng, Tân Long thuộc tổng Chánh Mĩ Trung, quận Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa cũ (nay nhập thành xã Bạch Đằng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương). Phía dưới một chút là cù lao Dê, một hòn đảo nhỏ trước kia người dân bắc cầu gỗ nhỏ, lừa đàn dê qua ăn cỏ rồi rút ván để bầy gia súc không chạy tứ tán. Lâu ngày, tàu chạy làm sóng nước xói lở mất tích Cù lao, giống như cồn Gáo xóm Cây Chàm thuộc phường Hòa Bình biến mất sau ngày giải phóng.

Cù lao Tân Triều ở tả ngạn sông Đồng Nai do phù sa bồi lấp đầy nhánh sông con tả ngạn nên dính liền vào làng Bình Ý (xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu). Cây cầu xi măng bắc từ Bình Ý qua cù lao Tân Triều trở thành cầu cạn, ghe thuyền không cặp vào bến Cá hàng thế kỉ nay.

Cù lao Rùa nhìn đại thể giống chú rùa đang bơi ngược dòng Đồng Nai gần quanh năm trong xanh, hiền hòa chảy. Trên Cù lao có đồi đá, bản đồ ghi rõ độ cao 50 mét. Cù lao có hai làng: Nhựt Thạnh nằm ngay thân rùa phía Nam; Tân Hội ở vị trí cổ và đầu rùa phía Bắc. Trước Cách mạng tháng Tám 1945, hai làng nhập thành xã Thạnh Hội thuộc tổng Chánh Mĩ Trung, quận Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa. Sau ngày giải

phóng (1975), xã Thạnh Hội nhập với xã Phước Thành thành xã Thạnh Phước, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Từ cù lao Rùa qua Tân Ba, lòng sông hẹp khoảng 200 mét; qua Bửu Long thì lòng sông rộng trên 600 mét; có hai bến đò chở khách qua lại hàng ngày.

Ít người dân quê tôi biết là hồi đầu thế kỉ 20, một số nhà khảo cổ Pháp đã tiến hành nghiên cứu, khai quật một số nơi trên cù lao Rùa, khám phá đây là một trong những địa điểm người tiền sử Đồng Nai sinh sống vào thời đá mới cách nay vài ba ngàn năm. Chính họ mới là những bậc tiền hiền khai khẩn. Những kiếng họ người Việt nhiều đời sinh sống ở đây như cha ông tôi chỉ thuộc bậc hậu hiền khai canh.

Nơi chôn nhau cắt rún của tôi là ấp Nhì, làng Nhựt Thạnh nằm ở khúc thân rùa. Hồi tôi hơi khôn lớn đã có sự hiểu biết, phần lớn đất đai đã khai khẩn thành ruộng, vườn, làng xóm khá đông dân. Tuy vậy, trong làng vẫn còn vạt rừng sao, dầu thân cao vút vài chục mét, vài ba người ôm mới xuể. Sau hiệp định Giơneo (Genève, 7/1954), dịch chặt hết cây to, xóa sổ vạt rừng cổ thụ.

Đình Nhựt Thạnh là ngôi đình cổ, nghe truyền lại được dựng từ thời Minh Mạng, Tự Đức. Trong kháng chiến chống Pháp, thực hiện chủ trương tiêu

thố kháng chiến của Đảng và Chính phủ, dân làng chủ động phá dỡ để giặc không lợi dụng đóng đồn. Sau năm 1954, bà con làm lại đình ngay vị trí cũ; từ đó đã tu sửa một số lần. Theo tục lệ, hàng năm dân làng tổ chức hai lần tế lễ: rằm tháng hai âm lịch làm lễ lập miếu lệ và rằm tháng tám làm lễ kì yên chỉ một ngày đêm chớ không kéo dài như các làng xã khác quanh đó. Buổi sáng ngày rằm, các bô lão làm lễ yết (tiên thường) mời các bậc tiền hiền khai khẩn, hậu hiền khai canh về dự với dân làng. Có năm làng đón gánh hát bội về hát sau lễ yết, từ 3 đến 5 giờ chiều hát chập nữa, tối hát từ 8 giờ đến 11 giờ khuya mới nghỉ. Ba giờ sáng ngày 16 là lễ đàn cá (lễ cúng chánh). Khi lễ tất, người ta tổ chức đãi tiệc. Mấy ngày lễ có hát, có tiệc đã xưa tan không khí vắng lặng chốn làng quê sông nước này.

Những người dự bàn nhứt là các hương chức hội tề dương chức (hoặc đã nghỉ) thì đóng 3 đồng. Bàn nhì gồm các vị ngoại hội tề như xã trưởng, hương đình, hương dăng, hương lễ, trưởng phó ấp... đóng 2 đồng. Dân thường đóng 1 cắc, có lúc 2, 3, 4 cắc tùy từng năm. Tôi nhớ lúc mình đã lớn thành đinh, gạo giá 3 cắc 1 giạ thì tôi phải đóng 1 cắc.

Làng có ngôi chùa cổ, di lễ chùa ngày rằm mừng một phần đông là các bà có tuổi. Hồi tôi còn nhỏ, biết một số ít theo đạo *Du di*. Gọi là đạo e không đúng hẳn, họ tụng kinh Phật nhưng không thờ tượng

Phật mà bàn thờ nhà họ chỉ treo miếng vải đỏ; họ *lên đồng* nên nhân dân gọi giễu là *ông lên bà xuống, ông hậu tổ*. Do đồn thổi lan xa, một số người ở tỉnh lỵ Biên Hòa và bên Dĩ An cũng về tụ hội để lên đồng. Cũng có một, hai người theo đạo Cao Đài thờ *thiên nhơn* tại gia, không thấy đi chùa.

Trước Cách mạng tháng 8/1945, Thạnh Hội có chừng 2000 dân với 300 mẫu ruộng. Nguồn sống chánh của bà con là trồng lúa một vụ mùa và mía. Nay nhờ làm thủy lợi nên lúa tăng lên hai vụ, năng suất khá cao. Mía lau được trồng ở đất gò Chùa từ lâu đời. Cách nay hai, ba thế kỉ quê tôi đã góp phần làm huyện Phước Long nổi tiếng về đường mía bán đi các nước phương xa mỗi năm tới sáu trăm ngàn cân (khoảng hơn 300 tấn) thời mở cảng Nông Nại đại phố. Từ tháng chạp ta trở đi cho tới sau Tết, các sân lãng hoạt động rộn rịp. Chè ép mía trâu kéo kêu cọt két suốt ngày. Khói lò đường bốc lên nghi ngút vị ngọt khó quên theo gió lan tỏa ra xa. Nhà nhà nấu mật bán vào tháng bảy, tháng tám; cũng có người làm đường tán, đường cát trắng, đường xào (tán nhỏ thành đường cát vàng để uống cà phê).

Bưởi là cây ăn trái trồng phổ biến, tùy vị trí trồng và chất đất mà có nhà có bưởi ngon không thua bưởi Tân Triều, có nhà chất lượng trái kém hơn. Xưa kia cau được trồng nhiều, bây giờ người ta chặt bớt để trồng cây

khác có lợi hơn. Hành ngày nay trở thành cây được trồng nhiều do thị trường đòi hỏi, có người gọi cù lao Rùa là cù lao Hành vì cây này dễ trồng, bán được giá gấp dăm lần lúa và hơn hẳn một số cây khác tuy phải chăm sóc hàng ngày.

Làng Nhứt Thanh xưa có chủ điền lớn là ông Mai Văn Tam. Nhà ông ta thời đó to nhứt xã, có lẫm chứa lúa. Là chủ điền có nhiều ruộng, ông cho dân làng và cả người nơi khác đến mướn. Trong kháng chiến, con cháu ông tham gia cách mạng khá đông.

Ông cố Dương Văn Nghi (trên chức hương cả hai bậc: đại hương cổ, hương cổ, đại hương cả, hương cả) cũng có nhiều ruộng song không phát canh thu tô mà con cháu làm toàn bộ. Nhà người ta tháng giêng đã ép hết mía nhưng nhà ông tới tháng ba che ép mía còn kéo kẹt, lò đường vẫn nghi ngút tỏa khói. Vào vụ mùa, khoảng dăm chục người ào ạt cấy hàng chục bữa mới xong. Ông thọ tới 94 tuổi. Tôi đã chứng kiến tang lễ của ông kéo dài tới nửa tháng. Mỗi ngày đều tế lễ, phải làm thịt một bò, một heo bự để đãi khách viếng. Một số con cháu, dân làng phục dịch đám tang, ăn thịt nhiều đến nổi mắc kiết lị. Kết thúc đám tang, người ta đốt luôn dàn nhà vàng đáng giá cả gia tài một nhà nghèo.

Ở vùng này cũng như các nơi khác, tá điền nào

mướn ruộng thì nộp khoảng 50% thu hoạch cho chủ điền, năm nào thất thì tá điền chỉ còn rất ít lúa ăn, lại phải vay nợ tiếp, nợ chồng lên nợ. Lúa tô đem thả vào nước, nếu có thóc lép nổi lên thì chủ điền bắt quạt lại thiệt sạch mới nhận.

Hương hào, hương quản chịu trách nhiệm giữ gìn an ninh trật tự làng xóm, giải quyết các vụ đánh lộn, bắt trộm cướp, bắt thuế, bắt dân đi xấu. Tôi nghe nói có hội dân đình (nam từ 18 tuổi trở lên) đóng thuế thân (thuế đánh vào đàn ông thành niên) đồng loạt 5 đồng; sau nhà cầm quyền sửa lại: người hữu sản đóng 7 đồng rưỡi, dân vô sản đóng 4 đồng rưỡi. Có giấy thuế thân mới đi lại dễ dàng, nếu phú lít xét giấy mà không có, sẽ bỏ tù 15 ngày. Dân làng tôi nghèo, hàng trăm người không có tiền đóng phải trốn chui trốn nhủi nên trở thành loại "dân trốn xấu lậu thuế". Theo lệnh của ban hội tề xã, cai tuần các làng vào từng nhà lùa sổ chưa đóng thuế ra nhà hội, có người bị đóng trăn (cùm chân) phải hứa chắc ngày nộp mới được thả. Tôi không hiểu vì sao má tôi cũng có lần bị đóng trăn vì phụ nữ không phải đóng thuế thân? Nhìn chung, làng tôi không có cường hào ác bá như ở nơi khác. Hương chức hội tề đều có họ hàng thân thuộc dây mơ rễ má cả. Tuy nhiên, những bất công xã hội vẫn gây nên các đợt sóng ngầm chỉ chờ cơ hội thuận lợi là bùng phát. Điều đó giải thích vì sao đại bộ phận dân quê tôi sau này đi theo cách

mạng mong thiết lập trật tự xã hội mới ấm no, công bằng, dân chủ.

Cù lao Rùa có vài dòng họ lớn thì họ Trần của tôi là một trong các kiếng họ. Tôi không rõ cụ tổ họ Trần nguồn gốc quê quán nơi đâu, đến làm ăn sanh sống tại đây từ bao giờ, có phải là bậc tiền hiền khai khẩn hoặc hậu hiền khai canh không? Tôi chỉ biết lên ông cố tôi là cụ Trần Văn Đuối. Ông nội tôi là Trần Văn Pháp.

Cha tôi là ông Hai Ca (Trần Văn Ca) sanh năm 1890 và các chú: Tư Du (Trần Văn Du), Sáu Tai (Trần Văn Tai), Bảy Viễn (Trần Văn Viễn), Tám Sơ (Trần Văn Sơ)... cùng một số cô, chú khác tôi không biết hết tên vì đã chết lúc còn nhỏ (yểu tử). Ba tôi được học ít nhiều, có lúc làm biện làng (thơ kí ghi chép). Trong một số giấy tờ để lại, chữ viết của ông cứng đẹp. Chỉ tiếc ông vẫn số, qua đời năm 1927 lúc còn rất trẻ, hưởng dương 38 tuổi. Má tôi, bà Nguyễn Thị Phổ, tuy là kế thất nhưng cũng như chánh thất (vì bà cả và người con chết sớm). Nếu ông nội tôi đông con cháu thì ba tôi chỉ sanh được một mình tôi.

Của hương hỏa ông cố để lại là bảy mẫu đất mía, đời ông nội rồi đến đời cha tôi vẫn ở chung, ăn chung, làm chung. Một số người trong kiếng họ Trần sắm ghe thương hồ chở cát, chở đá, từ lâu buôn bán đây đó kiếm sống. Sau muốn đòi chia chác, họ đi kiện ở tòa án Sài Gòn. Lúc này tôi đã hiểu biết chút

đình, thấy ông tôi lẽo đẽo đi hầu kiện. Nhà nghèo không có tiền đi xe hoặc dò dạc, cứ mỗi lần có trát, ông già lại cuốc bộ mấy chục cây số từ 12 giờ khuya để kịp có mặt ở tòa sáng hôm sau. Tòa xét số bà con họ hàng kia bỏ đất không làm đã lâu, mới xử cho ông nội tôi thắng kiện. Vụ kiện kéo dài mấy tháng khiến gia đình tán gia bại sản, đúng với câu tục ngữ: “Được kiện (mất) mười bốn quan năm (tiền), thua kiện (mất) mười lăm quan chẵn”. Tôi là cháu nội duy nhứt được ông bà cưng như trứng mỏng mà cũng chỉ ăn cơm mắm nêm.

Nhà của đại gia đình là căn nhà tranh to, có ba, bốn con trâu và đủ che ép mía, lò, chảo... làm đường. Đại gia đình đông người, làm chung ăn chung, thuộc loại nghèo muốn ruộng để có thóc ăn.

Tôi sinh ngày 20/12/1920 (11 tháng mười năm Canh Thân), cha tôi đặt tên là Trần Văn Kìa (Hai Kìa). Ông làm giấy khai sinh cho tôi từ lúc tôi mới chào đời nên ngày sinh này chắc đúng. Năm lên sáu, tôi bắt đầu học vỡ lòng trong làng. Đúng bảy tuổi, ngày ngày tôi đi dò từ làng qua sông sang học trường Tân Ba ở trên đồi ấp Chợ.

Thầy giáo đầu tiên của tôi là thầy giáo Bồ dạy lớp năm (bây giờ là lớp 1). Tôi nhớ không bao giờ quên, vào 9 giờ sáng thứ bảy mùng 3/12/1927 (10 tháng mười một năm Đinh Mão), đang học thì người

nhà qua gọi về. Tới nhà, tôi thấy mọi người khóc lóc om xòm, còn ba tôi nằm thẳng trên giường. Tôi nghĩ ba tôi ngủ, vào vạch mi mắt thì ông sẽ dậy. Hành động ngây thơ của đứa con nít càng làm mọi người xúc động, khóc lớn hơn, bấy giờ tôi mới biết ông không bao giờ mở mắt nữa. Tôi không hiểu ba tôi mất vì bệnh hay vì nguyên nhân nào, tôi chưa bao giờ hỏi ai điều này. Ba tôi qua đời, má bắt tôi ở nhà nhưng phần thì ham học, phần sợ thầy nên tôi lại tiếp tục đi học.

Tôi lên lớp tư thì học thầy Sấm, quê ở Cù Lao Phố. Thầy mượn một căn nhà để trọ lại, thứ bảy mới đi ghe về cho thông thả, mát mẻ. Bọn tôi đã có lần đi dò xuống nhà thầy ở đầu doi Cù Lao, nhưng nay không thể nhớ gì nhiều. Thầy dạy lớp ba là thầy Biên. Nhà thầy là căn nhà lầu lớn ở gần đầu cầu Ông Tiếp xã Tân Hạnh. Lâu lâu đám học trò lau nhau chúng tôi lại xuống quét dọn giúp thầy. Lớp nhì năm thứ nhứt thì thầy Tiến ở Tân Ba dạy. Suốt bốn năm tôi đều học khá. Học đến đây, bọn tôi muốn học nữa thì phải xuống tỉnh lị Biên Hòa thi vào Trường nam tiểu học (nay là Trường tiểu học Nguyễn Du) hoặc lên học Trường quận Tân Uyên. Tôi đã thi được vào lớp nhứt Trường nam tiểu học Biên Hòa nhưng cảnh nhà mẹ góa con cô không có tiền ở trọ hoặc mua chiếc xe đạp để ngày ngày xuống tỉnh học nên đành phải nghỉ. Lúc này, tôi vừa mười một tuổi.

Trong làng, ông Nguyễn Văn Đố trước học chữ nho, nay ông dạy cho con ông là Nguyễn Văn Lèo và tôi. Hai đứa học sách *Minh Tâm bửu giám*. Phải nói chữ nho khó nhớ hơn chữ quốc ngữ, thuộc chữ nào nhớ chữ đó, mà một chữ đọc như vậy nhưng viết khác nhau, nghĩa cũng khác nhau. Tôi theo học thầy Đố, ngày ngày giúp việc vặt: coi trâu, bắc mạ, làm cỏ, dọn chuồng trâu, rồi lần lần học cày... để trả ơn thầy dạy chữ thánh hiền.

Đang ở tuổi thiếu niên ham chơi, bọn tôi cũng trèo cây bắt chim, bơi lội... tham gia một số trò chơi của bọn trẻ trong làng nhưng ít khi quá đà. Vào dịp cúng kì yên, chúng tôi uýnh lộn với trẻ ấp khác, giành mâm xôi có miếng thịt heo ba sườn (còn sống). Hàng năm người ta thường thả tàu tống gió (tống tiễn âm binh, yêu quái và cô hồn các đảng) trên sông. Tàu to bằng một tấm ván, trên có nhiều thứ: hình nộm, cờ xí bằng giấy, dầu heo, con gà, con vịt, đồ vàng mã, tiền khoئن của vua, bài cào tứ sắc...Má tôi cho là tàu linh lắm, trong khi tôi rấn mắt ngoắc tay cho tàu vào bờ (nhưng nó không vô!). Tôi lội ra, tròng dây kéo vào, thực ra để chơi vui như bẻ đầu hình nộm, không phải nhằm lấy các thứ ăn uống. Má thấy tôi ngỗ nghịch, vác cây đánh, tôi bỏ chạy.

Năm mười hai, mười ba tuổi tôi thôi học vì nhà quá nghèo, má tôi đi xay bột mượn cứ một chục lít gạo ăn công một cắc (một hào). Một bữa tôi xin mấy

xu hớt tóc, má biểu:

- Bây giờ không có tiền ăn, con để tóc đi, má không có tiền cho con hớt. Anh Lèo cũng để tóc đó thôi.

Từ đó tôi để tóc, sau ót có búi tóc “củ hành” mới đầu nhỏ nhỏ sau bự dần, vì quen nên không thấy vướng. Người không biết tưởng tôi tu hành theo đạo giáo nào đó.

Tuổi thơ chấm dứt năm tôi tròn mười lăm. Ông già thầy Tư Đố năm ấy ngoài 75 tuổi, nấu đường cát, kêu tôi đến phụ. Một bữa, ông nói:

- Bây giờ cháu lớn rồi, lo về làm ăn nuôi má cháu. Đi chơi hoài đâu có được!

Ông làm tôi suy nghĩ lung. Tôi về nhà, nói với má:

- Ông già thầy Tư Đố nói vậy, bây giờ làm cái gì hả má?

Vì chồng đã mất sớm, má tôi ra làm riêng ăn riêng. Hồi xưa có lúc bà đi ở dợ, giỏi làm bánh. Bây giờ bà lại làm mướn kiếm sống. Khi tôi hỏi cần làm gì, má trả lời:

- Cất cái chòi ở cạnh nhà chú Sáu.

Chú Sáu Tai ở căn nhà chung tam đại đồng

dường; bà cô Nguyễn Thị Bằng (em gái ông nội) biểu chú Sáu phải nuôi tôi đến khôn lớn để sau này tôi tiếp tục quản lí gia sản (căn nhà từ đường, bảy mẫu đất mía) của kiếng họ Trần, thế cho ba tôi. Chú Sáu nuôi tôi một thời gian nhưng công lao chủ yếu là thím Sáu. Lúc này tôi hay đi chơi, làm cho một số nhà trong làng, đến bữa người ta cho ăn.

Má tôi qua quê bà nội tôi ở Khánh Vân, mua chịu hai con trâu giá 40 đồng (của mấy ông cậu) về làm. Ông nội chia phần 75 cao đất (7.500 m²) cho ba tôi, mời làng tới chứng kiến làm giấy dàng hoang. Do tiền ít, má con tôi cất chiếc chòi bằng 25 bó tranh, mái lợp rất thưa cố dàn ra cho đủ. Khi trời nắng, tranh co ngót nhìn thấy cả trời xanh, nắng lọt qua kẽ; trời mưa tranh nở ra che kín khít, may không dột!

Tôi biết cày từ khi còn học ở nhà thầy Đố. Lúc này ban ngày tôi đi cày, tối về chòi ngủ trông trâu. Được cái là dân tình cù lao Rùa chất phác, chuyện trộm cắp hiếm xảy ra, chớ sức mới lớn đang tuổi ăn tuổi ngủ như tôi, nếu có kẻ gian thì nó dắt trâu đi tới Huế mình cũng chẳng biết. Tuy mới 15 nhưng vóc dạc đã trộm trộm hơn nhiều bạn cùng trang lứa, tôi thuộc loại lao động có hạng trong làng, cường độ và năng suất lao động rất cao. Chỉ làm một vụ mía, má con tôi đã trả hết nợ mua trâu, còn dư 100 đồng. Má tôi đem số tiền đó mượn một khoảnh ruộng (làm mấy năm liền), mỗi năm thu được 60 gạ, hai người ăn hết

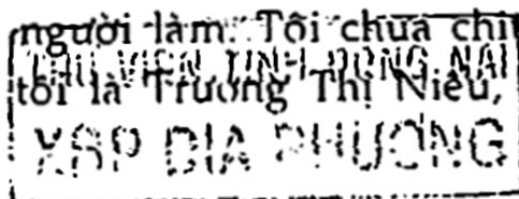
20 gạ còn dư 40 gạ. Chả như người khác thì họ bán lúa lấy tiền; má tôi không bán mà xay giã rồi tráng bánh, phơi khô bán, tính ra một lời một. Làm có tiền, má con tôi ham lắm, càng ra sức làm miết sáng ngày tối đêm.

Năm 17 tuổi, khấm khá dư dả một chút, tôi bèn mua một căn nhà cột vuông 200 đồng về dựng. Thế là một thanh niên mới lớn như tôi, chỉ sau hai năm cần cù, đã có nhà, có trâu, có mía, có lúa, xếp vào loại trung nông. Thân phận thay đổi vì tôi dốc sức làm quần quật, làm thiệt sự chớ làm gì có chuyện làm chơi ăn thiệt!

Trồng mía, ép đường, nấu mật qui mô nhỏ như nhà tôi thì hoàn toàn phụ thuộc chủ lò. Mía mình để ra giềng mới đập thì mía mình khô đi, không thu được bao nhiêu đường mật. Để chủ động, tôi rủ ông hàng xóm Nguyễn Văn Giá hùn tiền mua bộ che ép mía ở Bình Thạch (làng Bửu Long đi lên một chút). Năm nay nhà tôi đập trước thì qua sang năm nhà ông Giá đập trước... Mỗi ngày chúng tôi làm được 7 thí chè, nấu ra hơn 2 tạ mật, không phải thuê mướn nhiều nhân công (cốt, phát, chụm mía...) nên càng khá.

2018/BC/VV 00001375

Năm tôi 18 tuổi ta, má giục lấy vợ. Má tôi chọn con dâu theo tiêu chuẩn thắt đáy lưng ong, gọn gàng, lao động giỏi để có người làm. Tôi chưa chịu nhưng bà cứ quyết. Bà xã tôi là Trương Thị Niều, dân Dư



17

Xbp/2004/w/5533

Khánh bên kia sông, kém tôi một tuổi. Gái hơn hai, trai hơn một là một trong các tiêu chuẩn lấy vợ gả chồng hồi đó. Trong con mắt tôi, cổ rất đẹp nên đến năm sau (1938) thì cưới. Đây là giai đoạn thịnh vượng của gia đình tôi: có lúa, có mía, có tiền, có nhà, tôi thì yên bề gia thất. Má tôi vẫn tráng bánh; mùa lũ tôi vớt củi trôi sông, mùa khô lên rừng Bà Én chặt củi mang về đun nấu đỡ tốn tiền mua.

Tháng 8/1939, con trai đầu lòng của tôi là Trần Văn Cao ra đời. Con trai thứ hai Trần Văn Kìa ra đời năm 1941. Con gái thứ ba sinh năm 1943... Ba tôi có con một nhưng có cháu đàn, ở thế giới bên kia chắc cũng mãn nguyện.

Phần dác gỗ căn nhà mua mấy năm trước bị mục mủn dần. Tôi quyết định mua gỗ cắm xe (còn gọi là dả đá) ở trại cửa trong xã về cất một chỗ. Lúc ấy có một sự kiện khiến tôi từ chỗ chỉ có 75 cao đất trở thành trung nông chủ ruộng dàng hoàng. Cậu vợ tôi là ông Chín Vắng (Nguyễn Văn Vắng) làm rể ông chánh In (hương chánh Tân Ba). Không biết vì sao ông Chín bỏ nghề dạy học, sang Miên làm bồi cho một người Pháp. Lâu lâu, ông lại đi xe đạp hơn trăm cây số từ bên đó về thăm nhà. Ông Chín không may bị tù. Năm 1943, ông phải bán phần ruộng của vợ giá 6000 đồng (nói là 3 mẫu, sau đó lại còn 2 mẫu 6 ruộng muộn) lấy tiền lo lót để được ra tù. Chớp cơ hội, tôi mua số ruộng này, trả trước 3000 đồng (bằng

giá 300 thùng mật mía), mời làng làm giấy, vợ chồng tôi đứng tên.

Chỉ năm sau (1944), chúng tôi trả xong nợ, còn đủ tiền công thợ 1600 đồng cất ngôi nhà mới cột kèo toàn gỗ căm xe có thể bền tới trăm năm. Khi thợ làm nhà dẽo cây, có nhiều mảnh dăm gỗ khá lớn. Má tôi tận dụng chum lò. Củi nặng sụp xuống bếp tắt, bánh sống, bả la:

- Mua ruộng nha, làm nhà nha, mầy hại tao!

- Má biểu tôi làm, mà bây giờ má còn rầy...

Bả làm cực, bả rầy yêu vậy thôi. Nhà làm chưa có vách thì hết tiền, tạm ngưng. Năm sau (1945), lũ lớn, ruộng ngập, lúa bị thất. Rồi đến Tổng khởi nghĩa giành chính quyền, Tây trở lại xâm lược, từ đó tôi đi theo cách mạng...

Suốt mấy năm trước Cách mạng tháng 8/1945, tôi mê mãi làm ăn tối mật tối mũi: cày ruộng, ép mía, đi chài cá trên sông khỏi phải mua thức ăn, đốn và vớt củi cho má tráng bánh... Đôi lúc cũng gặp gỡ bạn bè, trò chuyện rồi đêm về đánh một giấc tới sáng. Bà xã tôi là người vốc dạc mảnh dẻ tưởng không chịu được vất vả, cũng lặn xả vào việc nhà: giã, sàng gạo, gánh rơm về cho trâu ăn, nuôi bảy con nhỏ... Tôi hầu như không quan tâm đến tình hình xã hội, không có thời giờ đọc sách báo (mà muốn đọc cũng không

kiếm dâu ra), chỉ nghe mấy ông lớn tuổi nói lại loáng thoáng đôi ba chuyện.

Hồi còn nhỏ, tôi nghe mấy ông lớn tuổi xì xào: đất Tân Uyên là địa linh. Hội kín, quen gọi là Thiên địa hội, từng hoạt động sôi nổi ở vùng này....nghe vậy thôi chớ tôi không đi sâu tìm hiểu. Vào những năm 1943-1944, Pháp bắt thanh niên nhiều nơi tham gia phong trào Duy-cu-roa (Ducouroy), tôi cũng phải vào đội đua ghe nhưng chỉ hoạt động ít lâu. Tôi bị bắt đi xây đào hầm cho Nhật ở Bình Chánh, Bình Hóa và làm sân bay dã chiến gần quận lỵ Tân Uyên. Tôi thấy lính Nhật bị xiềng vào mấy cỗ súng cao xạ, thế mà thiên hạ cứ đồn thổi lính Nhật đánh nhau gan dạ lắm!... Việc Nhật đảo chánh Pháp tôi cũng biết nhưng không quan tâm. Chuyện máy bay Đồng minh ném bom Sài Gòn và Biên Hòa tôi không biết (đúng ra là không để ý đến)...

Cách mạng tháng Tám nổ ra, là điều kì diệu chưa từng có. Nhân dân nổi dậy tổng khởi nghĩa giành quyền làm chủ, giác ngộ sâu sắc không thể quay lại kiếp ngựa trâu nô lệ cũ. Cái anh nông dân chỉ cắm cúi làm quần quật không hề để ý đến mọi chuyện chung quanh như tôi bỗng nhiên bị cuốn hút vào cao trào yêu nước sôi động. Làng tôi tổ chức Thanh niên tiên phong do anh Bảy Diệp, lính tập cũ của Pháp, đứng đầu. Anh Úy chỉ huy Thanh niên tiên phong tổng Chánh Mĩ

Trung. Hơn một trăm thanh niên khỏe mạnh vạm vỡ từ các làng qua Tân Ba tập quân sự để chuẩn bị đánh Tây và quân Chà Chóp. Tôi không nhớ mình ở trung đội mấy song nhớ rõ Trung đội trưởng là anh Hai Cơ (ít lâu sau anh đi bộ đội Chi đội 10). Ban ngày chúng tôi vẫn làm việc nhà, tối tối mới tập rèn và canh gác trong làng, trong xã. Lúc đó mỗi người tự trang bị một cái roi hay gậy dài làm vô khí, sợi dây thừng cuộn lại để bắt trói kẻ gian trong lúc canh tuần. Một không khí hào hứng, sôi nổi cuốn hút lớp trẻ và cả mấy ông đứng tuổi, dứt họ khỏi gia đình, bước đầu tham gia hoạt động xã hội.

Sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng (30/4/1975), đọc sử tôi mới biết quân Pháp chiếm lại Biên Hòa ngày 25/10/1945 chớ hồi đó tôi chưa để ý đến ngày tháng. Nghe tin quân Pháp định từ tỉnh lỵ Biên Hòa nống ra chung quanh, chúng tôi được lệnh xếp đá trên tỉnh lộ 16 để ngăn lính Chà Chóp và lính Pháp. Trang bị chiến đấu cá nhân là một chiếc chiếu gấp lại trong có một bộ đồ bao bố, lấy dây cột lại rồi đeo như ba lô, một cái roi dài (bằng tre hoặc mây), một cây tầm vông vạt nhọn, một cuộn thừng dầy thắt thông lọng ... Trận đầu đụng giặc, anh em ném một số lựu đạn đập, không biết có giết được tên địch nào không? Chỉ huy Bảy Diệp bỏ chạy trước, hơn trăm anh em Thanh niên tiên phong tổng Chánh Mĩ Trung như rấn mất đầu, lại thêm không ai tiếp tế cái ăn nên

rã, người làng nào về làng nấy.

Rồi Thanh niên tiên phong nhập vào Thanh niên cứu quốc. Tôi được anh em bầu làm xã đội trưởng phụ trách dân quân du kích xã Thạnh Hội (gồm hai làng Tân Hội và Nhựt Thạnh).

Tháng 1/1946, địch đóng bót chi khu (quartier) Tân Ba. Ngày 1/3/1946, chúng mở cuộc càn quét lớn lên Tân Uyên bằng cả thủy-lục-không quân. Trên đường 16, ô tô chở quân bộ chạy rầm rầm. Dưới sông Đồng Nai, một số tàu sắt nhỏ chở quân đổ dài dài từ bến dò Tràm ngược lên. Có một chiếc phục kích đậu ngay ngang cù lao Rùa. Má tôi chèo xuống chở một cán bộ qua sông nhánh sang Thái Hòa, nhưng xuống mới ra giữa dòng thì địch bắn. Bà già trúng đạn gần bả vai gãy tay, gục xuống. Ông cán bộ nhảy xuống sông bơi thoát qua bến. Xuống không người điều khiển, quay quay giữa sông, tàu Tây tới kéo xuống vào bờ. Tôi xuống vác má tôi lên nhà. Vết đạn vào nhỏ xiu như mút dứa nhưng ở phía sau phá một lỗ lớn (sau mới biết là đạn đum đum nổ hai lần). Tụi lính ngụy kêu:

- Đem bà đó qua đây dặng đưa đi băng bó!.

Tôi hỏi ý kiến mấy chú tôi:

- Nên làm sao?

Mấy ống đồng ý đưa đi chữa. Tôi đưa má qua

tàu, chúng đưa sang bờ rồi một chiếc ô tô chờ tới, chở bả xuống Nhà thương Biên Hòa. Tôi đi theo. Nằm ở khu thí, người bệnh không mất tiền thuốc, còn được nuôi cơm. Chưa lành hẳn, nửa tháng sau má tôi đã xin về.

Sau trận càn này, địch đóng đồn nhỏ ở ngay eo cổ rùa xã tôi, chung quanh đắp đất, quân số cỡ trung đội. Lính pactidăng bố ráp, bắt bớ hàng ngày, mặc sức ngang nhiên cướp bóc, hãm hiếp, giết chóc...

Chi đội 10 cử ba anh: Mừng, Bảy Mến, Châu xuống Thạnh Hội tìm hiểu rồi kêu từng người đáng tin cậy sang Bình Hòa tổ chức quân báo mật đơn tuyến. Bản thân tôi là xã đội trưởng cũng không biết cụ thể cả xã có bao nhiêu anh tham gia quân báo, dù tôi cũng nằm trong tổ chức này. Anh Lèo, con trai thầy Đố, ở trong đội quân báo mật, được phát một trái lựu đạn, mang về giấu ở cây rơm. Không biết vì sao anh bị lộ. Nhà thầy Đố giàu, địch bắt anh Lèo (tên khai sanh: Nguyễn Văn Tôn) định làm tiền. Chúng dọa nếu không khai và không chạy tiền thì sẽ bắn chết. Anh Lèo kiên quyết không khai, chúng không lấy được tiền nên bắn anh chết. Là bạn thân từ hồi nhỏ, tôi rất thương nhớ Lèo, càng thương cho vợ Lèo còn trẻ đã lâm cảnh mẹ góa con cô. Lúc Lèo mới sa tay giặc, tôi lo giặc sẽ bắt bớ, khủng bố bà con, may làng xóm không xảy ra chuyện gì do anh chịu đựng hi sinh thầm lặng.

Địch rút bỏ đồn sau mấy tháng đóng ở quê tôi. Thanh Hội trở thành vùng du kích tranh chấp, lâu lâu địch cho quân qua ruộng bố rồi rút ngay. Chứng kiến hành động tàn bạo của bọn lính gây ra vô số cảnh đau thương tang tóc trên quê hương, lòng căm thù giặc ngày càng dồn nén chất chứa, tôi vắt óc suy nghĩ tìm cách huấn luyện anh em đánh địch.

Tôi phác hai phương án: *phương án một*: ôm vật. Ta sẽ tổ chức cho một tiểu đội anh em giả cách qua đồn địch xin *giấy lét xê-pát xê* (*laissez-passer*: *giấy thông hành*) rồi cứ một anh xáp vào ôm vật một tên địch. Vào những đêm sáng trăng, chúng tôi trải đệm trên các đồng lá mía cho êm, nếu người đóng vai địch bị đánh ngã. Anh em tập thành thực ngón ôm chân kéo ghệt mạnh làm tên địch ngã ngay. Nếu nó mang súng thì không thể ôm lại được, mà nếu nó buông súng ra để ôm ta thì ta tranh thủ cướp súng chạy. Cách này khá mạo hiểm.

Phương án hai: đánh địch đi dò. Khi nó gọi dò, anh em giành chờ thay ông lái. Khi dò vào gần bờ, tới chỗ nước đủ huyệt chân lút đầu thì mình nhận chìm xuống, lấy mái dầm đập đầu tên giặc. Súng rớt xuống sông, mình sẽ lặn mò sau. Chúng tôi nghiêng về phương án hai vì thực hiện chắc ăn hơn, chủ động hơn.

Tôi quyết đánh địch để khi chúng qua đây phải ngán

sợ đất này. Mặt khác, tôi muốn có súng. Tập quân sự không súng chán lắm! Nhưng trận đánh đầu tiên không diễn ra đúng in kịch bản dự kiến!

Chỉ còn một hai ngày nữa tới lễ Nôen năm 1946. Sáng hôm đó, một thằng Tây xuống bến dò Tân Ba ở bên kia sông. Nó đi tìm bông chuẩn bị cho ngày lễ Chúa giáng sinh; theo sau có một anh tù hái và ôm bông. Ở cù lao Rùa, cơ sở ta đã hạ báng tín hiệu để mọi người biết Tây sắp qua. Nghe tin, tôi bơi xuống qua sông thì ông Hai Lê là cơ sở của tôi ở Tân Ba cho biết thằng Tây đã qua dò sang Cù lao. Tôi quay về luôn. Tôi gặp nó đang chỉ chỗ cho anh tù bẻ bông trong xóm. Anh này đi sau ôm một mớ bông trong tay. Ở đây không có nhiều bông. Tôi giả như người đi cày về, tay cầm roi trâu, đầu đội nón lá, áo ngoài che khuất sợi thắt buộc nút thông lọng giắt ở eo lưng. Tôi bỏ roi xuống, gỡ nón cúi đầu chấp tay xá một cái, nói với nó bằng vốn tiếng Tây ít ỏi học dăm sáu năm trước:

- Eh vous! Ici beaucoup fleurs. (Thưa ông, đằng kia có nhiều bông lắm). - Vì quên, tôi nói lầm *ixi* (*ici*: ở đây) nếu nói đúng phải là *là ba* (*là-bas*: đằng kia).

- Oui, oui! - thằng Tây gục gặc đầu.

Tôi chỉ đường, dẫn đi một khúc ngắn, đến chỗ có đường trâu tẽ ra, tôi né cho nó đi trước. Đi ngang nhà thầy Đỗ, mấy người ngồi trong nhà trông thấy,

tưởng tôi bị bắt. Qua ranh nhà thầy, tới nương nước khô ráo, tôi suy nghĩ rất nhanh: bây giờ thời cơ đến, mình giật chân nó là chắc ăn, không làm ngay thì không còn lúc nào nữa! Một thầy võ cũng nói: chém một nhát không chắc thắng, chém trúng nhát thứ hai mới chắc thắng. Nó vừa bước chân lên bờ ranh bên kia, tôi ôm ghìt đôi chân nó dồn sức giật mạnh về phía sau, đầu úi vào lưng. Mất thế, thằng Tây to con ngã cái "ạch" nằm sóng soài như con cá lóc dưới lòng nương. Cây súng đeo trên vai văng ra. Tôi trườn cười lên mình nó, một tay chặn sau ót, tay kia vói lấy cây súng nhưng không tới. Nó lật ngửa, ngoạm trúng vào cổ tay trái tôi. Đau quá, tôi dấm nắm tay phải thiết mạnh vào mặt mũi nó sặc máu nhưng nó không nhả. Tôi ráng chịu đựng, tay phải lần lưng quần gỡ sợi dây thừng ra, rồi uýnh nữa, cố rút mạnh cánh tay ra, đứt một miếng thịt. Nó lựa thế chồm lên, nhưng tôi nhanh hơn, kịp trông đầu dây thòng lọng vào cổ, siết chặt cột vào cây cau. Nó đứng lên định gỡ ra, tôi lấy sợi thừng nữa trói tay nó lại. Tôi cầm cây súng chĩa vào nó, kéo quilát cái "rộp". Nó lay rối rít như té sao, chỉ sợ tôi bóp cò. Tôi bảo anh tù vứt bông đi, phụ tôi trói thúc ké tên tù binh, anh này run như cây sậy.

Dẫn thằng Tây ra tới đồng, tôi kêu vài thanh niên trong xóm phụ giải tù binh đi. Một số bà con chạy theo coi. Tới cái eo ở ngã ba, một đường rẽ vào lối tới nhánh sông con, đường kia ra ngã sông cái thì

nó không chịu đi. Tôi phải lặn nó xuống xuống như lặn khúc gỗ.

Qua sông, gặp Trung đội 3 (thuộc Chi đội 10) của anh Chín Nhiều đóng ở bìa sông, tôi báo:

- Chắc thế nào tụi nó cũng lên.

- Bây giờ tôi có FM đầu bạc của Anh nhưng chỉ có đạn rờsạc, anh có đạn tốt cho tôi một mớ.

Tôi đeo cactútse (cartouchière: túi đựng) 200 viên đạn chiến lợi phẩm vàng choé, mở ra chia cho anh một nửa.

Bọn Tây đồn Tân Ba mất người, cử một trung đội lính đi tìm. Chúng hỏi bà con:

- Công an dẫn ông lớn đi đường nào?

Bà con trả lời:

- Công an dẫn đi đường này.

Bà con chỉ vào con đường rẽ ra sông cái.

Chúng tôi tới xóm Cây Chàm (làng Tân Lương), đồng bào xúm lại yêu cầu cột thành Tây cho coi. Bà con, nhất là các chị em, chỉ chỗ, la lối xỉ vả om xòm:

- Mấy bắn pháo lên tao... Mấy hại tao... Mấy chết đáng kiếp...

Để bà con coi và chửi cho đã, tôi mới nói:

- Thôi, hết chưa? Để dẫn nó đi.

Tôi giải tiếp nó lên ấp 2 Bình Chánh là nơi đóng cơ quan Huyện ủy Tân Uyên. Gặp một thằng nhỏ vừa tằm xà lỏn ướt mềm, tôi hỏi:

- Cháu ơi, chỉ huy chỗ này ở đâu?

- Trời đất ơi! Anh Hai tôi chờ ai. Hỏi làm chi vậy?

Thằng nhỏ đó là Năm Bình, em ruột anh Hai Đính, Bí thư Huyện ủy. Tôi dẫn thằng Tây vô nhà anh Hai, giao xong tù binh rồi ra về ngay ban ngày. Tôi bảo anh:

- Ông cho tôi mang súng về khoe với đồng bào, tôi sắp xếp việc gia đình rồi tôi đi bộ đội luôn!

Lúc ấy, tôi gọi anh bằng "ông". Một đám thanh niên khá đông đi theo tôi. Trận địa Trung đội 3 máu me tùm lum. Tụi đi tìm lần theo dấu vết, rơi vào trận địa ta phục kích, chúng chết 6 thằng, bị thương 4 chấn một chục, cha con nó thua dậm khiêng nhau chạy về. Tôi giấu cây súng một chỗ. Tụi giặc thua trận, quay về nạt nộ bà con trong làng. Tôi nói với chú Sáu Tai:

- Chú qua đó báo: thằng đó là cháu tôi tên Hai Kia. Nó ở gần nhà tôi, nó bắt thằng Tây dẫn đi luôn rồi, tôi qua báo mấy ông biết để mấy ông không làm khó chúng tôi...Không phải công an bắt đâu.

Nhắm nhứt định nó sẽ đốt nhà, tôi bàn với bà già:

- Thôi, công mình cất, để nó phá uổng, thà là mình đốt thị oai nó, hồng cần...

Má tôi đồng ý. Tôi nói tiếp:

- Má ra ở tạm ngoài nhà bà con lối xóm. Má cho tôi đi bộ đội thôi, ở nhà thế nào nó cũng giết. Mình đi giết giặc, nếu mình không giỏi thì nó giết mình...

Tôi là con một, bà đồng ý cho đi, đồng thời để tôi hớt tóc. Búi tóc này, bà xă tôi giữ lại rất lâu làm búi tóc mượn (độn thêm vào mái tóc phụ nữ cho dày và dài). Tối hôm đó, mấy thanh niên trong xóm tới phụ khiêng hết đồ đạc trong nhà ra ngoài, chất đầy bãi mía lên hòng kèo, hòng cột rồi nổi lửa đốt nhà. Tôi thanh toán trâu bò, gởi đồ đạc... xong xuôi rồi ngay sáng 24/12/1946 vác súng đi thoát li kháng chiến.

Đây là bước ngoặt lớn đầu tiên của đời tôi.

Hồi tưởng chuyện này, thật giống một đoạn phim gay cấn, hồi hộp, hào hứng. Từ đó, người ta cứ nói công an bắt được thằng Tây và tôi có tên Trần Công An là do cái tích *tay không bắt giặc* nói ở trên. Các ông bà già trong làng còn nhắc: *hồi đó còn Rùa có ông Hai Cà dầm tay không bắt Tây cướp súng rồi đốt nhà, già từ búi tóc đi kháng chiến.*

Tôi gặp anh Mừng, anh Bảy Mến; các anh đưa lên gia nhập Chi đội 10. Vừa dịp đó

Quân khu 7 mở Trường Quân chính Hoàng Hữu Nam. Theo tôi nhớ: anh Tám Nghệ làm Giám đốc, anh Xuân Diệu là Phó giám đốc, ủy viên là anh Trịnh Đình Cửu... cùng một số anh khác tôi quên tên. Trường dự định mở ở Thổ Địa (Long An). Tập kết ở Thiên Hộ ít bữa; các anh tiến hành kiểm tra trình độ từng học viên. Một anh hỏi tôi:

- Việt Minh là gì?

- Việt Minh là tốt thôi!

Mấy anh nghe, cười xòa. Chỉ kiểm tra như vậy thôi, chưa quá hai phút thì tới lượt học viên khác. Không hiểu sao Trường không mở tại Thổ Địa nữa mà đưa tuốt xuống Trà Vinh. Từ đây, tôi mới biết chiếc nóp, nó là phần không thể thiếu của hành trang anh bộ đội Cụ Hồ ở Nam bộ hồi kháng chiến chống Pháp. Nóp rất tiện, vừa là chiếc ba lô đựng quần áo lúc hành quân chiến đấu, vừa là chiếc mũng chống muỗi ở những vùng "*muỗi kêu như sáo thổi*". Nằm nóp bí hơi khó thở, dùng lâu mới quen.

Tháng 3 năm 1947, toàn trường lên đường. Tôi đi chiếc ghe đầu với số anh chị hỏa đầu quân (nay gọi là anh chị nuôi hay cấp dưỡng). Trời nóng quá, anh chị em leo lên ngồi hết trên mui hứng gió, ghe mất thăng bằng lật nhào hất cả đám xuống nước. Báo hại bọn tôi phải lo vớt chị em lên, người nào không biết bơi chắc uống gần no nước! Chiều hôm đó tới

sông Vàm Cỏ Tây, ghe đậu lại nấu ăn cho các ghe chở anh em đi sau, tổng cộng khoảng ba trăm người.

Rồi chúng tôi chia thành các nhóm nhỏ, đêm đi ngày nghỉ. Kỷ niệm Đồng Tháp Mười với tôi là cái bữa đi từ tối tới sáng hôm sau. Bầu trời tối đen, sao lưa thưa lấp lánh, mấy trăm người lội lồm bồm trong sinh và nước mênh mông tới đầu gối. Cỏ không nhiều, không níu kéo chân như ở một số vùng khác. Cứ khoảng một giờ hành quân, được nghỉ 10 phút, chúng tôi kiếm đồng cỏ chất giữa đồng mà ngồi nghỉ. Tới Mộc Hóa, cả đoàn nhớ mãi được nghỉ xả hơi một ngày, những anh có tiền mua tôm về ăn, ngon hết biết! Để tới Trà Vinh, chúng tôi phải băng qua con sông lớn, không biết sông Tiền hay sông Hậu. Ghe chở chúng tôi mắc cạn, anh em phải nhảy xuống hè nhau đẩy qua bãi ngầm. Đi thêm một đêm nữa mới tới một vùng căn cứ ở Trà Vinh.

Trường đặt ở căn nhà lều của một địa chủ lớn. Căn căn lều đó có hai lăm lú lớn chứa được cỡ hai đại đội. Học viên ngồi bệt xuống đất, lấy ván kê làm bàn viết. Nội dung khóa huấn luyện gồm hai phần: về chính trị thì học cách mạng tư sản dân quyền; học quân sự là chủ yếu. Anh Võ Tinh Quân, lính cũ của Pháp, làm huấn luyện viên quân sự (về sau, tay này đào ngũ). Chúng tôi học đội ngũ, học canh gác, học bắn súng, học chiến thuật tấn công (còn phục kích chỉ giới thiệu sơ sơ) ... Các khoa mục đều thực hành kĩ,

nhứt là canh gác. Cả trường đi thực tập chiến đấu bằng cách phối hợp với Tiểu đoàn 307 đánh đồn La Bang. Trận này ta thắng to, đi vào bài hát truyền thống *Tiểu đoàn 307* rất nổi tiếng.

Những lúc được nghỉ, tôi đi chơi loanh quanh trong vùng. Từ trường ra tới bãi biển Ba Động khá gần. Bãi biển này lên cá chớt trông phát ham. Bọn tôi không được lội xuống vì "*nó xấn chân chết đó!*". Dân trong vùng phần đông là người Khơme. Họ có cách cấy rất lạ: bụi lúa nhổ lên chia thành mấy dảnh nhỏ, mỗi dảnh nắm cục đất nhỏ vào rồi ném ra xa, cây lúa vẫn đứng thẳng.

Ở nơi lạ, chiều chiều tôi nhớ quê, nhớ mẹ già, nhớ vợ và các con, nhớ trâu bò và công việc nhà nông da diết khi thấy người ta xum họp vui vầy. Mùi trấu un ban đêm đuổi muỗi cho trâu sao giống ở quê tôi thế!

Năm 1947 này, quân Pháp rút phần lớn ở trong Nam đưa ra Bắc. Do lực lượng mỏng, địch giảm mức đánh phá Nam bộ. Phong trào cách mạng ở đây rầm rộ hơn miền Đông: nhiều đoàn ghe xuống với cờ xí đi biểu tình tập nập...

Học ba tháng mãn khóa, chúng tôi trở lại miền Đông. Tôi được đề bạt làm Tiểu đội phó lúc sắp ra trường. Có một chuyện đáng nhớ: khi về qua khu vực cầu Bốn Trụ (Tân An), chúng tôi dụng tàu địch, nó

bắn tôi bởi làm anh em chạy một mẻ muốn hụt hơi! Tại Thổ Địa, ban chỉ huy làm lễ tổng kết khóa học rồi ai ở địa phương nào thì về nơi đó. Tôi về An Sơn (Thủ Dầu Một) rồi về Chiến khu Đ tháng 10/1947. Tổng cộng thời gian cả đi lẫn về và học tập khoảng sáu tháng.

Văn phòng Khu bộ Quân khu 7 có công văn chuyển tôi qua Huyện đội bộ dân quân Tân Uyên (dóng ở làng Tân Hòa). Tôi không còn là chiến sĩ, nay trở thành cán bộ dân quân huyện. Cần nói một chút về Huyện đội Tân Uyên. Năm 1946, Chi đội 10 biệt phái một tiểu đội về làm nòng cốt cho lực lượng võ trang huyện. Đến khi tôi về nhận công tác, bộ đội địa phương Tân Uyên đã phát triển thành một trung đội. Tôi được cử xuống mở lớp huấn luyện dân quân du kích ở rừng Cò Mi cho các xã Thạnh Hội, Phước Thành, An Thành, Thái Hòa, Mĩ Hiệp... Còn du kích các xã bị chiếm thì chưa tổ chức được. Anh em ăn cơm nhà, hồi sớm mai lên địa điểm, giờ cơm mang theo ăn trưa để học tập trong ngày, chiều lại về nhà....Tôi thì đồng bào địa phương cho ăn, lúc đó có tiêu chuẩn gì đâu. Huyện đội Tân Uyên mở được mấy lớp huấn luyện du kích. Mỗi lớp học nửa tháng, anh em được trang bị một số hiểu biết chính trị và kĩ năng chiến đấu cần thiết.

Đầu năm 1948, Huyện đội trưởng Cổ Tấn Chương rút tôi về, cử làm tổ trưởng tổ tác chiến năm

trong tổ tham mưu (tổ này có thêm tổ quân báo, tổ trinh sát liên lạc). Anh Chương nhắc lại ý kiến anh Lương Văn Nho, Tỉnh đội trưởng Biên Hòa (vừa thay anh Cao Văn Bồ) trong một cuộc họp các huyện đội toàn tỉnh trước đó ít ngày. Để lập thành tích kỉ niệm ngày thành lập các huyện đội và kỉ niệm sanh nhật Bác, mỗi huyện đội có một trung đội du kích tập trung trang bị dù còn kém nhưng ra quân phải đánh thắng trận đầu. Đánh một trận dù nhỏ nhưng phải tiêu diệt gọn, lấy được súng; không lấy được súng coi như chưa hoàn thành nhiệm vụ Tỉnh đội giao.

Là tổ trưởng tổ tác chiến, nghe truyền đạt chỉ thị trên, tôi đưa anh em từ Tân Uyên lên sở cao su Thuận Lợi làm công tác võ trang tuyên truyền vận động công nhân ủng hộ gạo, tiền để có cái nuôi quân. Khi vừa làm xong nhiệm vụ, anh em tổ chức phục kích đánh xe của viên chủ sở người Pháp. Chiếc xe lọt vào trận địa, ta nổ một loạt súng, xe dừng lại. Anh em tước cây súng ngấn rulô của chủ sở Pháp và tha cho y vì y không phải là địch mà là nhà tư bản kinh doanh. Về sau tôi nghe nói y có đóng thuế cho kháng chiến để làm ăn dễ dàng hơn. Anh Cổ Tấn Chương có cây Vichke nòng dài bọn tôi ao ước từ lâu. Thu được cây rulô này tôi giữ lại, đeo tòng teng bên sườn rất khoái!

Tôi suy nghĩ: cần đưa anh em lên Phước Hòa nghiên cứu đánh xe đi tuần theo các tháp canh ở lô

10. Anh Tạ Văn Tạo, Huyện đội phó, chỉ huy trận này. Anh áp dụng kinh nghiệm đánh đầu máy xe lửa Pa-xi-phích (Pacific), giạt mìn hơi sớm nên xe địch không hề hấn gì.

Về nhà, rút kinh nghiệm, tôi mới đề xuất ý kiến nên đánh tua hoặc bót. Các anh đồng ý.

Cần ngược dòng thời gian một chút.

Giữa năm 1947, tướng Đờ La-tua (De Latour Desmerlins) từ Maroc (Bắc Phi) được cử sang thay tướng Nyô mong *có thể nhanh chóng vãn hồi an ninh ở Nam Việt* vì chiến lược *đánh nhanh thắng nhanh* của các tướng thực dân tiền nhiệm đã phá sản. Ông ta đề ra kế hoạch *ba giai đoạn, sáu biện pháp* trong đó có *chiến thuật tháp canh* nổi tiếng. Nội dung chiến thuật này: dịch tiến hành xây dựng hàng loạt tháp canh mỗi cái nằm cách nhau khoảng 1 km, tạo thành hệ thống liên hoàn để kiểm soát, bảo vệ các đường giao thông, các đoàn xe quân sự, các đô thị-thị trấn, các đồn điền... chia cắt khổng chế vùng căn cứ và các hoạt động của ta, từ đó tiến hành bình định xứ này.

Tháp canh (còn gọi là tua: tour de guet) hình vuông mỗi chiều khoảng 4 đến 5 mét, tường xây bằng đá hoặc gạch dày 40 cm (do địch phá dỡ nhà dân hoặc đình chùa....sau này chúng xây tường dày 60 cm đến 80 cm) trở một số lỗ châu mai, cao ba tầng khoảng hơn chục mét, nóc lợp tôn hay ngói làm chòi

gác (mirador: dân gọi là lồng cu) trang bị đèn pha có thể quan sát xa. Lồng cu có lính gác ngày đêm, lính ở tầng giữa; tầng trệt là nơi nấu nướng, cũng là kho. Quân số mỗi tháp canh chừng một tiểu đội có đủ súng và nhiều lựu đạn. Phía ngoài tháp canh có vài ba hàng rào kẽm gai (về sau chúng cho gài lựu đạn hoặc mìn), có hào cắm chông. Cứ khoảng dặm, bảy tháp canh còn lại xen tháp canh mẹ có cấu trúc cao hơn, kiên cố hơn, trang bị súng máy, súng cối và một số tua trang bị diện đài liên lạc với chi khu, tiểu khu. Từ các tháp canh, địch bung ra càn quét vùng tranh chấp, vùng căn cứ, lấn chiếm rộng dần theo kiểu *vết dầu loang*.

Tôi xuống Tân Ba, gặp anh Trần Văn Hối là du kích mật đã theo học khóa huấn luyện của Huyện đội Tân Uyên mấy tháng trước. Anh đang chăn nuôi vịt (Anh Hối nay còn sống, nhà ở gần đầu cầu Ông Tiếp). Tôi biểu:

- Anh làm sao lên cầu Bà Kiên coi giùm tôi cái bót gác nó làm thế nào? Có mấy tầng? Bao nhiêu súng?...

Bọn lính ở đây là dân Tân Hạnh, anh Hối quen biết một số. Anh la cà chơi với tụi lính, vào trong tua quán sát rồi về nói lại với tôi: tua vuông, mỗi chiều khoảng bốn, năm mét, cao 8 mét, có hai tầng, mỗi tầng có bốn lỗ châu mai, tường dày 20 phân. Trên

tầng chót (gọi là mirador: lồng cu) có lính gác. Quân số có 10 tên, 8 khẩu súng (mỗi khẩu 200 viên), 2 thùng lựu đạn OF... Chúng ngủ tập trung ở tầng giữa. Có lúc hai thằng gác trên tầng chót.

Điều nghiên bước đầu xong, tôi về báo cáo với Ban chỉ huy Huyện đội: muốn đánh tiêu diệt tua này lấy 8 cây súng, chỉ có cách bọn tôi *nhứt sanh nhứt tử*. Không đem bộ đội đi đông được, tổn thất vô ích; nếu anh em đi thì ém trong rừng. Vài người chúng tôi tìm cách chun vào bót, ném lựu đạn chờ không bắn súng được. Chúng tôi tiếp tục điều nghiên kĩ để nghĩ cách đột nhập bót. Tôi đã học bò thấp, bò cao... nhưng tôi thấy phải bò kiểu sáu lọi mới đảm bảo. Đi nghiên cứu thực địa tôi coi *bộ vó* chọn mấy anh em có thân hình số 8 bụng eo, chân thon, ngực nở...nhanh nhẹn, khỏe mạnh gồm các anh Bảy Nguyên (Trần Văn Nguyên, dân Hóa An), Hồ Văn Lung (du kích Phước Thành), cơ sở mật Trần Văn Hối. Tôi động viên anh em ráng lập công qua trận đánh sắp tới. Chúng tôi bò vào ngồi sát hàng rào theo dõi coi địch gác làm sao để tìm sơ hở của chúng. Hồi học lớp quân chánh, các anh cho biết mấy bí quyết đánh thắng: bí mật, bất ngờ... Bây giờ đánh tua này cũng vậy. Ta vô làm sao chúng rọi đèn mà không phát hiện được? Lúc nào chúng sơ hở?... Chúng tôi thấy lũ lính chỉ chú ý mặt tiền con lộ hướng Đông mà ít chú ý phía con rạch hướng Bắc. Lúc tên lính gác bật quẹt hút thuốc rồi

phì phà lơ mơ khói thuốc là lúc nó sơ hở. Lúc đổi gác cũng là lúc địch sơ hở vì chúng giỡn hớt nhau: “Tao thấy phía Thái Hòa trong kia có đèn, Việt Minh nó đi, mày coi chừng đó”. Rồi chúng xoay qua tán dóc: “Trong xóm ấy có con ấy, con nọ đẹp lắm...” ít nhất cũng mất dăm mười phút, ta có thể tranh thủ vô được. Đèn pha địch soi qua, quét lại; bọn tôi không có đồng hồ để biết qui luật rọi đèn nên phải nhớ những lần nín thở (rồi về mượn đồng hồ, tính ra mỗi lần nín thở như thế mấy phút).... Đêm khuya, tên lính gác ngáp ngấn ngáp dài rõ mồn một, có lúc nó nghe ngao ca vài câu để chống buồn ngủ. Tóm lại, bọn tôi thấy có thể lợi dụng một sơ hở của địch mà đột nhập tua.

Hôm sau, khi về lấy đèn rọi vào mắt rồi tắt đi để kiểm tra thì mấy phút liền sau đó *không nhìn thấy* gì. Tôi nói với anh em:

- Mình chắc bị quáng gà hay sao ấy!

Anh em lặp lại thí nghiệm đều nói:

- Tôi cũng vậy.

Như vậy đây cũng là sơ hở của nó. Sau khi nó lia rọi đèn rồi tắt phụt, chắc chắn phải dăm phút sau mới hết quáng gà.

Chúng tôi bắt đầu luyện tập lấy nhà hội Thái Hòa làm cái tua, lấy cây đơn độc khá cao mọc sát

nhà làm chòi gác. Anh em xin tiền mua chiếc đèn 5 pin. Chúng tôi tập ba, bốn đêm liền, một người trèo lên cây lia đèn rọi ra xa hàng trăm mét, mấy người khác tiềm nhập. Mới đầu người đóng vai lính gác phát hiện được chòm tóc đen. Anh em xé lá chuối bằng cái bẹ cột lên đầu thì không thấy nữa. Nhưng trông con mắt lại sáng lóe như mắt thú dưới ánh đèn pin; anh em bàn cách khắc phục: đèn sắp lia tới mà gục đầu hoặc nhắm mắt lại thì tha hồ rọi không sao. Cái lưng *trắng xác* lộ lộ dưới ánh đèn, làm sao khắc phục? Anh em cắt tà lá chuối còn non buộc vào thì cái lưng tiếp màu cỏ không phát hiện ra. Chúng tôi chỉ tập một đêm đầu tiên đã *vào ngon lành* song vẫn tập liên tục mấy đêm cho động tác thiết thành thạo. Tôi bàn bạc kĩ với anh em thời cơ đột nhập là lúc lính đổi gác: chúng trững giỡn, tán chuyện khá lâu.

Tiếp tục suy nghĩ, tôi thấy kế hoạch của bọn tôi còn một điểm yếu: muốn đánh tua phải mang được cái thang dài vô. Không có thang, không thể ném lựu đạn vô bên trong tầng một cao 4 mét, càng không thể diệt tên gác đứng trên chòi cao 8 mét. Trước đây chỉ nghĩ cách bò vô mà địch không phát hiện, còn bây giờ bò vô mang thêm cái thang công kênh thì làm sao để khỏi lộ? Tôi biểu Lung, dân địa phương, vào xóm mượn cái thang dài 6 mét của dân dùng hái trầu. Về nhà, tôi suy nghĩ thêm: bắc thang thường hay bị chênh vênh, gập ghềnh. Bọn tôi ra ấp 2 Bình Chánh

mượn cái thang vác ra căn nhà ở ấp Bình Hóa (Tân Uyên) bị Tây đốt còn trơ bức tường. Dựng thang ban đêm thấy nó chênh còn nghe cái "cộp". Bọn tôi lấy quần xà lỏn quần hai đầu thang thì thang đặt êm. Tôi biểu anh em:

- Đặt thang vô, rà lên rà xuống vài lần thì không chênh.

Quả nhiên, đúng vậy.

Chúng tôi tập đi tập lại nhiều lần nhuần nhuyễn. Huyện đội cho chúng tôi 9 trái lựu đạn đập do binh công xưởng ta chế tạo. Tôi gặp ban chỉ huy Trung đội 3 đòi lấy lựu đạn cần gạt (chỉ rút chốt ném không gây tiếng động như lựu đạn đập). Anh em cho biết: lựu đạn cần đeo riết bên mình, sợ thuốc bị ẩm, ném không nổ. Tôi cứ đòi:

- Chỉ cần một trái nổ, nó sẽ kích nổ hết các trái khác.

Anh Cổ Tấn Chương cho thêm trái OF (lựu đạn tấn công). Chúng tôi báo cáo miệng những nét cơ bản kế hoạch trận đánh (về sau mới qui định phương án tác chiến viết ra giấy, lúc đó nếu tôi phải viết, chắc mất nhiều thời gian mới xong!). Các anh góp ý bổ sung và chấp thuận thông qua. Anh Diệp chỉ huy một trung đội tới rừng Cò Mi nằm chờ phối hợp, nếu trận đánh thắng lợi thì ra phá cầu Bà Kiên, còn chúng tôi đánh ở đâu, vào lúc nào thì họ không được biết.

Tối 18/3/1948, toàn tổ lên đường. Tới gần bót, tôi nhắc lại kế hoạch tác chiến một lượt. Anh Ai xách súng lên đầu cầu Bà Kiên sẵn sàng bắn tên lính gác, chỉ viện cho bọn tôi. Bỏ gần tới hàng rào, ai mặc áo thì cởi ra, ba anh em (Bảy Nguyên, Lung và tôi) chuẩn bị đột nhập. Tôi chợt phát hiện cảnh quan địa hình thay đổi: địch vừa đốt hết cỏ cho dễ quan sát phía ngoài tua. Để cho tiếp màu, cần hóa trang bôi lọ nghe, song lúc khẩn cấp này đào đâu ra mấy chiếc nồi để lấy lọ nghe? Cùng tắc biến, biến tắc thông, tự nhiên tôi nảy ra sáng kiến: hốt bùn thoa khắp người và hốt tro bôi lên. Anh Bảy Nguyên được phân công mang thang, đi đầu mở đường, song khi tới hàng rào phải để thang lại. Nằm chờ mãi, tới khoảng 11 giờ, thừa lúc địch đổi gác tán dóc: "Phía Thái Hòa có Việt Minh đi đông... Trong xóm Sáu Biện có con ấy, con nọ đẹp....", ba chúng tôi đột nhập êm ru. Chợt nhớ chưa mang thang, tôi ghé tai thì thầm với Bảy Nguyên và Lung:

- Nếu nó phát hiện, ném lựu đạn thì xoay vòng quanh tua mà tránh...

Tôi quay ra, làm dấu cho anh Hoi đưa thang qua hàng rào, rồi khi đèn quét qua vác êm vào không sợ lộ. BẮC thang vào tường, Bảy Nguyên nhanh nhẹn leo lên trước tiên. Lung leo sau chưa tới tầng giữa thì ở tầng trên cùng lựu đạn đã nổ. Lung động lựu đạn qua lỗ châu mai tầng giữa. Tôi ném vào tầng trệt,